

Bản án số: **96/2023/DS-PT**

Ngày: 28/4/2023

*V/v: “Yêu cầu chia di sản thừa kế và
hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng
đất”.*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Liêm.

Các thẩm phán: Ông Trương Minh Tuấn.

Ông Nguyễn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Quang Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và tại điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, xét xử phúc thẩm trực tuyến công khai vụ án dân sự thụ lý số 277/2022/TLPT- DS ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc “Yêu cầu chia di sản thừa kế và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1143/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Lê Thị P, sinh năm 1949.

2. Bà Lê Thị P1, sinh năm 1954.

3. Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm 1957.

Cùng cư trú tại: thôn TT, xã H1, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, đều có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lưu Ngọc C, luật sư, Văn phòng luật sư NC thuộc Đoàn luật sư tỉnh Phú Yên; có mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Trần Thị H2, sinh năm 1962.
2. Ông Lê Xuân K, sinh năm 1967.
3. Bà Lê Thị X, sinh năm 1952.

Cùng cư trú tại: Thôn TT, xã H1, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, đều có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị T1, sinh năm 1948; nơi cư trú: thôn P, xã V, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

2. Bà Lê Thị Đ1, sinh năm 1957; nơi cư trú: thôn P1, phường H2, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

3. Ông Lê Xuân V2, sinh năm 1960; nơi cư trú: số nhà 23B, đường P2, phường Y1, thành phố T2, tỉnh Phú Yên, có mặt.

4. Bà Lê Thị Ph, sinh năm 1966, nơi cư trú: thôn TT1, xã H1, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

5. Ông Lê Xuân Th (chết) có vợ là bà Trần Thị H2 và các con là Lê Thị Minh H3, sinh năm 1982 (chết 2012) có chồng là ông Lê Ngọc D1, sinh năm 1978 và con là Lê Việt Kh, sinh năm 2007; Lê Thị Minh H7, sinh năm 1987; Lê Bảo H8, sinh năm 1991; Lê Anh H4, sinh năm 1991; cùng cư trú tại: thôn TT, xã H1, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên; bà H2 có mặt.

6. Bà Lê Thị M, nơi cư trú: thôn P, xã V, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa, vắng mặt.

7. Bà Lê Thị L (chết) có chồng là ông Đinh Th1 và các con: Đinh Thị Nh, Đinh Thị H5, Đinh Văn P3, Đinh Văn T4, Đinh Văn D2; cùng cư trú tại: thôn P, xã V, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa, đều vắng mặt.

8. Ông Lê Xuân T5 (chết) có con là Lê Xuân L2; đang định cư tại Mỹ nhưng các bên không rõ địa chỉ.

9. Bà Lê Thị T6 (chết) có con là các bà Đặng Thị T7, sinh năm 1950; Đặng Thị H6, sinh năm 1956; Đặng Thị L2, sinh năm 1962; Đặng Thị X, sinh năm 1964; cùng cư trú tại: thôn P, xã V, huyện V1, tỉnh Khánh Hòa. Bà T7, bà Huỳnh có mặt.

10. Ủy ban nhân dân xã H1, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

11. Ủy ban nhân dân thị xã Đ, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

Người kháng cáo: Đồng bị đơn là các ông bà Trần Thị H2, Lê Thị X, Lê Xuân K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2019, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn các bà Lê Thị P, Lê Thị P1, Lê Thị Ngọc H trình bày:

Ông bà cố nguyên đơn là cụ ông Lê Đ1 (chết năm 1950) và cụ bà Nguyễn Thị N1 (chết năm 1952) để lại diện tích đất khoảng 1.600m², tọa lạc tại thôn TT, xã H1, huyện Đ, tỉnh Phú Yên cho người con duy nhất là ông bà nội cụ ông Lê Đ2 (chết năm 1955) và cụ bà Nguyễn Thị H7 (chết năm 1962). Cụ Đ2 và cụ H7 có 04 người con chung là ông Lê A, ông Lê Q, ông Lê K2 và bà Lê Thị T6.

Ông Lê A (chết năm 1959) có vợ là bà Thái Thị B (chết năm 2013) sinh được 04 người con là các đồng nguyên đơn và một người anh trai chết lúc nhỏ chưa có vợ con.

Ông Lê Q (chết năm 1976) có vợ là bà Trương Thị S (chết năm 1972) sinh được 06 người con: Lê Thị X, Lê Xuân K, Lê Thị T1, Lê Thị Đ1, Lê Xuân V2, Lê Thị Ph.

Ông Lê K2 (chết năm 2007) có vợ là bà Trương Thị X1 (chết năm 1991) sinh được 04 người con: Lê Xuân Th (chết năm 2011) có vợ là bà Trần Thị H2 và 04 người con là Lê Thị Minh H3 (chết năm 2012) có chồng là Lê Ngọc D1 và con là Lê Việt Kh; Lê Thị Minh H7, Lê Bảo H8, Lê Anh H4; Lê Thị M; Lê Thị L (chết năm 2010) có chồng là ông Đinh Th1 và các con: Đinh Thị Nh, Đinh Thị H5, Đinh Văn P3, Đinh Văn T4, Đinh Văn D2; Lê Xuân T5 (chết) có con là Lê Xuân L2.

Bà Lê Thị T6 (chết năm 2007) có các con là Đặng Thị T7, Đặng Thị H6, Đặng Thị L2, Đặng Thị X.

Tài sản hai cụ để lại là nhà ở gắn liền quyền sử dụng đất 1.600m² lẽ ra phải chia đều cho 04 người con là các ông Lê A, Lê Q, Lê K2 và bà Lê Thị T6, nhưng hiện nay con cháu ông Lê K2 và ông Lê Q chia nhau mỗi người ½ và tự kê khai với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký lập thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Trên đất hiện nay có nhà bà Trần Thị H2, nhà bà Lê Thị X và nhà ông Lê Xuân K, còn lại là một phần đất trống giáp nhà bà H2, khi ông Th chồng bà H2 còn sống có nói phần đất trống còn lại để cho nguyên đơn là con cụ Lê A, nhưng khi nguyên đơn đến xây dựng nhà ở thì bà H2 và các thành viên của gia đình cản trở nên xảy ra tranh chấp. Lúc đó nguyên đơn mới phát hiện đất đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Lê Xuân Th. Do đó, nguyên đơn yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế theo pháp luật cho 04 người con của cụ Đ2, cụ H7 và chỉ xin được nhận phần đất trống còn lại giáp nhà bà H2 là 254,8m², có mặt tiền giáp đường bê tông nông thôn khoảng 5m tại thửa 835, nếu có chênh lệch về giá trị kỷ phần thừa kế thì nguyên đơn tự nguyện không nhận; Đồng thời yêu cầu hủy hai GCNQSDĐ đã cấp cho bà Lê Thị Xuân, ông Lê Xuân Th để cấp lại cho đúng pháp luật.

Theo tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm các bị đơn trình bày:

- Bà Trần Thị H2: Về diện và hàng thừa kế bà thống như nguyên đơn đã trình bày, riêng về di sản thừa kế thì trước đây khi cụ Đ2, cụ H7 còn sống đã chia đất cho ba con trai, trong đó ông A là cha các đồng nguyên đơn không có

con trai nên tự nguyện đến nơi khác ở và nhận đất ruộng để canh tác, còn bà T6 là con gái nên không được chia tài sản. Phần đất gắn liền nhà ở của bà và bà X, ông K là đất hương hỏa từ đường để cho con trai thờ cúng ông bà tổ tiên. Ông bà chết không để lại gì khác ngoài diện tích đất tranh chấp cũng như không có giấy tờ gì thể hiện. Ông Lê A là con trai trưởng không có con trai, nên hai em trai là ông Lê Q và Lê K2 tự phân chia để thờ cúng ông bà, mỗi người được nhận lãnh $\frac{1}{2}$ như thỏa thuận. Chồng bà ông Lê Xuân Th là con trai trưởng ông Lê K2, ông Lê Xuân K là con trai út ông Lê Q tiếp tục sử dụng đất và thờ cúng ông bà một thời gian dài, nhưng không thấy ai tranh cãi và phản đối nên chồng bà ông Lê Xuân Th được cấp GCNQSDĐ là hợp pháp. Do đó bà không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nếu chia thừa kế theo pháp luật thì bà cũng xin được hưởng nhưng phải tính công sức gìn giữ, tu tạo đất và thờ cúng ông bà cho gia đình bà.

- Ông Lê Xuân K và bà Lê Thị X cùng trình bày: Về diện, hàng thừa kế, nguồn gốc đất như nguyên đơn trình bày là phù hợp, nhưng gia đình ông Lê K2 và gia đình ông Lê Q đã ở đây một thời gian dài không tranh chấp, gia đình ông Lê A cha của đồng nguyên đơn trước đây cũng được ở trên đất của ông bà sau đó chuyển đi nơi khác nên ông K, bà X không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử theo thủ tục vắng mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Bà Lê Thị T1: Bà là con ông Lê Q (chết năm 1976) và bà Trương Thị S (chết năm 1972), bà thống nhất với nguyên đơn về diện, hàng thừa kế, di sản để lại và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, đề nghị Tòa giải quyết, xét xử theo thủ tục vắng mặt.

- Bà Lê Thị M: Bà thống nhất với nguyên đơn về diện, hàng thừa kế và di sản của ông bà để lại nhưng không đồng ý chia thừa kế theo pháp luật, vì ông bà đã giao cho ai thì người đó được quyền sử dụng đất, đề nghị Tòa giải quyết, xét xử theo thủ tục vắng mặt.

- Ông Đinh Th1: Ông là chồng bà Lê Thị L (chết năm 2010), ông không biết gì về gia sản, di sản thừa kế ông bà để lại và hiện trạng di sản. Ông không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì ông bà đã cho ai thì người đó được quyền sử dụng đất, ông không tranh chấp và xin vắng mặt tham gia tố tụng tại Tòa án.

- Bà Đinh Thị Nh: Bà là con ông Đinh Th1 và bà Lê Thị L (chết năm 2010) bà trình bày như ông Đinh Th1.

- Các bà Đặng Thị T7, Đặng Thị H6, Đặng Thị L2, Đặng Thị X đều trình bày: Cha mẹ các bà là ông Đặng Bộ (chết năm 1992) và bà Lê Thị T6 (chết năm 2007), bà T6 là 1 trong 4 người con của cụ Lê Đ2 và cụ Nguyễn Thị H7. Các bà đồng ý với nguyên đơn về diện, hàng thừa kế và di sản thừa kế ông bà để lại như hiện nay, nguyên đơn yêu cầu là hoàn toàn có căn cứ nên đề nghị chia theo pháp luật thành 04 kỹ phần, phần của mẹ là bà T6 các bà xin được nhận bằng giá trị.

- Các ông bà Lê Thị Đ1, Lê Xuân V2, Lê Thị Ph, Lê Ngọc D1, Lê Thị Minh H7, Lê Bảo H8, Lê Anh H4, Đinh Thị H5, Đinh Văn P3, Đinh Văn T4, Lê Xuân L2 đều vắng mặt không có lời trình bày.

- Ủy ban nhân dân thị xã Đ trình bày tại Công văn số 4439/UBND-TNMT ngày 02/8/2022: Căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất, hồ sơ địa chính, UBND huyện T2 (nay là thị xã Đ) đã cấp GCNQSDĐ cho ông Lê Xuân Th và bà Lê Thị X là đúng quy định nên không có cơ sở hủy GCNQSDĐ đã cấp.

- Ủy ban nhân dân xã H1 trình bày tại Báo cáo số 514/BC-UBND ngày 23/12/2021: Thống nhất như ý kiến của UBND thị xã Đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Căn cứ các Điều 658, 661 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 100, 166, 167, 188 Luật đất đai năm 2013; các Điều 609, 611, 612, 617, 623, 624, 625, 630, 631, 636, 641, 647, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 91, 92, 93, 94, 95, 147, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 12, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của đồng nguyên đơn các bà Lê Thị P, Lê Thị P1, Lê Thị Ngọc H theo Đơn khởi kiện ngày 07/8/2019. Chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ ông Lê Đ2 và cụ bà Nguyễn Thị H7.

Giao chia cho Bà Trần Thị H2 làm đại diện thừa kế của cụ Lê K2 và ông Lê Xuân Th nhận hiện vật là diện tích đất 800m² gồm 200m² đất ở và 600m² đất trồng cây hằng năm khác thuộc thửa 835 tờ bản đồ 13A tại thôn TT, xã H1, huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Phú Yên (theo Bảng vẽ mặt bằng hiện trạng nhà và đất tranh chấp lập ngày 13/4/2021) và phải có trách nhiệm trả lại giá trị kỷ phần thừa kế cho những người thừa kế của bà Lê Thị T6 là do bà Đặng Thị T7 đại diện nhận số tiền 234.546.000đ (Hai trăm ba mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi sáu ngàn đồng).

Giao chia cho bà Lê Thị X làm đại diện thừa kế của ông Lê Q và đại diện cho ông Lê Xuân K nhận hiện vật là diện tích đất 860,7m² gồm 200m² đất ở và 660,7m² đất trồng cây hằng năm khác thuộc thửa 836 tờ bản đồ 13A tại thôn TT, xã H1, huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Phú Yên (theo Bảng vẽ mặt bằng hiện trạng nhà và đất tranh chấp ngày 13/4/2021) và có trách nhiệm trả lại giá trị kỷ phần thừa kế cho những người thừa kế của bà Lê Thị T6 do bà Đặng Thị T7 làm đại diện nhận số tiền 252.342.000đ (Hai trăm năm mươi hai triệu ba trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

Giao chia cho các bà Lê Thị P, Lê Thị P1, Lê Thị Ngọc H do bà H đại diện nhận hiện vật là diện tích đất 254,8m² loại đất vườn ao tại thửa 835(1), nằm ở

phía Tây của thửa 835 cùng tờ bản đồ 13A tại thôn TT, xã H1, huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Phú Yên (theo Bảng vẽ mặt bằng hiện trạng nhà và đất tranh chấp lập ngày 13/4/2021) có giới cận: Đông giáp nhà đất Trần Thị H2 các đoạn dài 15,82m, 22,09m, 11,57m, 9,47m; Tây giáp nhà đất Nguyễn Xuân Ánh các đoạn dài 7,49m, 4,96m, 11,27m, 13,76m, 5,62m, 15,70m; Nam giáp đường bê tông nông thôn dài 4,34m, Bắc giáp đất nhà ông Nguyễn Dung dài 2,17m. Các bà P, P1, H do bà H làm đại diện được quyền sở hữu tài sản có trên đất được chia gồm: một cây xoài, một cây bơ, một cây sanh và hàng rào lưới B40 nhưng phải trả lại giá trị cho bà Trần Thị H2 làm đại diện nhận số tiền 4.418.000đ (Bốn triệu bốn trăm mười tám ngàn đồng).

2. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 323299 do UBND huyện T2 cấp ngày 12/10/1993 cho ông Lê Xuân Th; Giữ nguyên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 02215 do UBND huyện T2 cấp ngày 12/10/1993 đứng tên bà Lê Thị X. Các bên đương sự có quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 03/10/2022, các bị đơn bà Trần Thị H2, bà Lê Thị X, ông Lê Xuân K có đơn kháng cáo với cùng nội dung: Mảnh đất đang tranh chấp là thuộc sở hữu của bà Lê Thị X và ông Lê Xuân Th, không phải là tài sản của bà Lê Thị P, Lê Thị P1 và Lê Thị Ngọc H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Lê Thị P, bà Lê Thị P1, bà Lê Thị Ngọc H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn bà Trần Thị H2, ông Lê Xuân K, bà Lê Thị X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Các bị đơn bà Trần Thị H2, ông Lê Xuân K, bà Lê Thị X cho rằng, mảnh đất đang tranh chấp là thuộc sở hữu của bà Lê Thị X và ông Lê Xuân Th, không phải là tài sản của bà Lê Thị P, bà Lê Thị P1, bà Lê Thị Ngọc H nên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị P, bà Lê Thị P1, bà Lê Thị Ngọc H.

Các nguyên đơn và người bảo vệ quyền lợi cho phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của các bị đơn bà Trần Thị H2, ông Lê Xuân K, bà Lê Thị X và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng, về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trần Thị H2, ông Lê Xuân K, bà Lê Thị X và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

1. Xét nội dung đơn kháng cáo của các bị đơn bà Trần Thị H2, ông Lê Xuân K, bà Lê Thị X thì thấy: Tại biên bản họp họ Lê và gia đình về việc xác định nguồn gốc đất ở và sự thừa kế lập ngày 26/02/2017 có nội dung: Xác định nguồn gốc đất có từ thời ông bà cố Lê Đ1, Nguyễn Thị N1; ông Đ1, bà N1 mất để lại cho ông nội Lê Đ2, bà nội Nguyễn Thị H7 thừa kế. Trước khi qua đời ông bà nội chỉ định thừa kế 4 phần cho 4 người con là Lê A, Lê K2, Lê Q, Lê Thị T6... Tại biên bản xác minh ngày 18/4/2019, cán bộ địa chính UBND xã H1 cung cấp: Theo thông tin UBND xã H1 được biết thì nguồn gốc diện tích 800m² đất nêu trên do ông bà cha mẹ để lại cho ông Lê Xuân Th... Diện tích 800m² đất này được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 323299 ngày 12/10/1993 cho cá nhân ông Lê Xuân Th, không giao cho hộ gia đình theo Nghị định 64/CP. Tại biên bản hòa giải ngày 04/9/2020, bà Trần Thị H2 trình bày: Về gia phả nguồn gốc đất bà thống nhất với nguyên đơn... Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/6/2022, ông Lê Xuân K, bà Lê Thị X đều khai: Diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc do ông bà ngày xưa để lại cho ông bà nội Lê Đ2, Nguyễn Thị H7. Tại phiên tòa sơ thẩm bà Trần Thị H2 cũng khai đất do ông bà cố để lại đã giao cho ông K2 và ông Q.

Từ những chứng cứ được phân tích trên cho thấy, bản án sơ thẩm xác định diện tích đất đang tranh chấp chia thừa kế là của cụ cố Lê Đ1 và cụ cố Nguyễn Thị N1 để lại cho cụ Lê Đ2 và cụ Nguyễn Thị H7 là hoàn toàn có cơ sở. Bản án sơ thẩm xác định hàng thừa kế được hưởng và phân chia kỹ phần thừa kế, trong đó chia cho phía nguyên đơn các bà Lê Thị P, Lê Thị P1, Lê Thị Ngọc H diện tích đất 254,8m² là hoàn toàn hợp tình, hợp lý. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn bà Trần Thị H2, ông Lê Xuân K, bà Lê Thị X và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên các bị đơn bà Trần Thị H2, ông Lê Xuân K, bà Lê Thị X phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

3. Những phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên không xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị đơn bà Trần Thị H2, ông Lê Xuân K, bà Lê Thị X và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 91, 92, 93, 94, 95, 147, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 658, 661 Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều 609, 611, 612, 617, 623, 624, 625, 630, 631, 636, 641, 647, 649, 650, 651 Bộ luật dân sự 2015; các Điều 100,

166, 167, 188 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn các bà Lê Thị P, Lê Thị P1, Lê Thị Ngọc H theo Đơn khởi kiện ngày 07/8/2019 về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cụ ông Lê Đ2 và cụ bà Nguyễn Thị H7.

Chia cho các bà Lê Thị P, Lê Thị P1, Lê Thị Ngọc H do bà Lê Thị Ngọc H đại diện nhận hiện vật là diện tích đất 254,8m² loại đất vườn ao tại thửa 835 (1), nằm ở phía Tây của thửa 835 cùng tờ bản đồ 13A tại thôn TT, xã H1, huyện (nay là thị xã) Đ, tỉnh Phú Yên (theo Bản vẽ mặt bằng hiện trạng nhà và đất tranh chấp lập ngày 13/4/2021) có giới cận: Đông giáp nhà đất Trần Thị H2 các đoạn dài 15,82m, 22,09m, 11,57m, 9,47m; Tây giáp nhà đất Nguyễn Xuân Ánh các đoạn dài 7,49m, 4,96m, 11,27m, 13,76m, 5,62m, 15,70m; Nam giáp đường bê tông nông thôn dài 4,34m, Bắc giáp đất nhà ông Nguyễn Dung dài 2,17m. Các bà P, P1, H do bà H làm đại diện được quyền sở hữu tài sản có trên đất được chia gồm: một cây xoài, một cây bơ, một cây sanh và hàng rào lưới B40 nhưng phải trả lại giá trị cho bà Trần Thị H2 làm đại diện nhận số tiền 4.418.000đ (Bốn triệu bốn trăm mười tám ngàn đồng).

2. Về án phí: Bà Trần Thị H2, ông Lê Xuân K, bà Lê Thị X mỗi người phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Được trừ số tiền bà H2, ông K, bà X mỗi người đã nộp 300.000đ tại các biên lai thu tiền số 0000282, 0000283, 0000284 cùng ngày 21/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Phú Yên.

3. Các phần quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Thanh Liêm